

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: 2721/QĐ-CTCP397

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 12 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm
2026 (GT03) thuộc kế hoạch mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan
phục vụ sản xuất năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 2655/QĐ-CTCP397 ngày 17/12/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt kế hoạch Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2026”;

Căn cứ Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2026 (GT03) thuộc kế hoạch mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2026 do phòng Cơ điện vận tải lập ngày 19/12/2025;

Căn cứ Tờ trình ngày 19/12/2025 của Phòng CĐVT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2026 (GT03) thuộc kế hoạch mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 22/12/2025 của Tổ thẩm định dự toán và KHLCNT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2026 (GT03) thuộc kế hoạch mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2026.

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2026 (GT03) thuộc kế hoạch mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026.

- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

- Giá trị dự toán: **9.288.541.296 đồng.**

Bằng chữ: (Chín tỷ, hai trăm tám mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn hai trăm chín sáu đồng). Đã bao gồm thuế VAT.

- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện Vận tải.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2026 (GT03).

- Giá trị gói thầu: **9.288.541.296 đồng.**

Bằng chữ: (Chín tỷ, hai trăm tám mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn hai trăm chín sáu đồng). Đã bao gồm thuế VAT.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 12 năm 2025.


- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 350 ngày

- Tùy chọn mua thêm: Không.

- Giám sát đấu thầu: Không.

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, CĐVT.K03.

GIÁM ĐỐC



Kiều Văn Sính

BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số 41.11/QĐ-CTCP ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Công ty cổ phần 397)



STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt nội dung công việc										
1	Công ty cổ phần 397	Gói thầu: Mua vật tư máy gặt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2026 (GT03)	Mua vật tư máy gặt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2026	9.288.541.296 đồng	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	30 ngày	Tháng 12 năm 2025	Theo đơn giá cố định	350 ngày	Không	Không

Bảng chú: Chín tỷ, hai trăm tám mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm chín sáu đồng./.



BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định phê duyệt số 337/QĐ-CTCB ngày 22/12/2025 của Công ty cổ phần 397)

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền chưa VAT	Thuế VAT	Thành tiền có VAT (VNĐ)	Ghi chú
I	Máy gặt D85EX-15							
1	Ga lê đỡ 154-30-01040	Cái	2	4.080.000	8.160.000	8%	8.812.800	
2	Ga lê tỳ 4 gờ 154-30-01030	Cái	3	7.650.000	22.950.000	8%	24.786.000	
3	Ga lê tỳ 2 gờ 154-30-01020	Cái	4	7.089.000	28.356.000	8%	30.624.480	
4	Bánh dẫn hướng 154-30-01010	Cụm	2	38.250.000	76.500.000	8%	82.620.000	
5	Vành sao US216K327	Bộ	2	7.956.000	15.912.000	8%	17.184.960	
6	Bu lông xích M22x65	Bộ	400	25.000	10.000.000	8%	10.800.000	
7	Lưỡi ben - 6 lỗ 154-81-11191B	Cái	8	1.887.000	15.096.000	8%	16.303.680	
8	Lưỡi ben - 8 lỗ 154-70-11314B	Cái	4	2.295.000	9.180.000	8%	9.914.400	
9	Lưỡi góc phải 150-70-21346B	Cái	7	1.275.000	8.925.000	8%	9.639.000	
10	Lưỡi góc trái 150-70-21356B	Cái	7	1.275.000	8.925.000	8%	9.639.000	
11	Bu lông sao M22x72	Bộ	50	35.700	1.785.000	8%	1.927.800	
12	Bu lông lưỡi ben M20x70	Cái	150	23.900	3.585.000	8%	3.871.800	
II	Máy gặt D155-6							
13	Ga lê đỡ 175-30-00515	Cái	2	5.406.000	10.812.000	8%	11.676.960	
14	Ga lê tỳ 4 gờ 175-30-00770	Cái	6	11.016.000	66.096.000	8%	71.383.680	
15	Ga lê tỳ 2 gờ 175-30-00760	Cái	4	10.098.000	40.392.000	8%	43.623.360	
16	Vành sao US228K027	Bộ	4	9.996.000	39.984.000	8%	43.182.720	
17	Bu lông xích M24x78	Bộ	400	35.700	14.280.000	8%	15.422.400	
18	Bu lông sao M24x80	Bộ	100	61.200	6.120.000	8%	6.609.600	
19	Bu lông lưỡi ben M24x90	Cái	150	39.750	5.962.500	8%	6.439.500	
20	Lưỡi ben 175-70-26310	Cái	12	2.295.000	27.540.000	8%	29.743.200	
21	Lưỡi góc trái 175-71-22272	Cái	10	2.040.000	20.400.000	8%	22.032.000	
22	Lưỡi góc phải 175-71-22282	Cái	10	2.040.000	20.400.000	8%	22.032.000	
III	Máy gặt D7R					8%		
23	Ga lê đỡ 9M0638	Cái	4	3.876.000	15.504.000	8%	16.744.320	
24	Ga lê tỳ 2 gờ 9S0316	Cái	6	7.140.000	42.840.000	8%	46.267.200	
25	Ga lê tỳ 4 gờ 9S0317	Cái	8	7.752.000	62.016.000	8%	66.977.280	
26	Vành sao 9W0074	Bộ	4	7.140.000	28.560.000	8%	30.844.800	
27	Lá xích 7G6448	Cái	82	1.887.000	154.734.000	8%	167.112.720	
28	Bu lông xích 7H3599	Cái	600	45.900	27.540.000	8%	29.743.200	
29	È cu bắt xích 2S2140	Cái	600	20.400	12.240.000	8%	13.219.200	
30	Bu lông lưỡi ben M22x75	Cái	500	28.500	14.250.000	8%	15.390.000	
31	Bu lông bắt vành sao 5P7665	Cái	100	35.700	3.570.000	8%	3.855.600	
32	È cu bắt vành sao 7H3608	Cái	100	15.300	1.530.000	8%	1.652.400	
33	Bánh dẫn hướng 1592086F	Cái	2	24.990.000	49.980.000	8%	53.978.400	
34	Lưỡi ben 7T6678	Cái	18	2.091.000	37.638.000	8%	40.649.040	
35	Lưỡi góc trái 9W6198	Cái	10	2.142.000	21.420.000	8%	23.133.600	
36	Lưỡi góc phải 9W6199	Cái	10	2.142.000	21.420.000	8%	23.133.600	
IV	Máy xúc PC450							
37	Vành sao 208-27-61210	Cái	2	6.936.000	13.872.000	8%	14.981.760	
38	Ga lê tỳ 2 Gờ 208-30-00210	Cái	8	6.324.000	50.592.000	8%	54.639.360	
39	Ga lê tỳ 4 Gờ 208-30-00413	Cái	4	8.415.000	33.660.000	8%	36.352.800	
40	Ga lê đỡ 207-30-00550	Cái	4	3.315.000	13.260.000	8%	14.320.800	
41	Lá xích W216C-13-600	Cái	92	867.000	79.764.000	8%	86.145.120	
42	Bánh dẫn hướng FI400K5	Cái	2	16.320.000	32.640.000	8%	35.251.200	
43	Lò xo tăng xích PC450	Cái	2	7.119.600	14.239.200	8%	15.378.336	
44	Bu lông ga lê tỳ M22x110	Cái	50	30.600	1.530.000	8%	1.652.400	
45	Bu lông xích M24x65	Bộ	500	28.500	14.250.000	8%	15.390.000	
46	Bu lông sao M20x55	Cái	50	20.400	1.020.000	8%	1.101.600	
47	Răng gầu 14270RC	Cái	50	765.000	38.250.000	8%	41.310.000	
48	Chốt răng gầu PC450	Cái	100	51.000	5.100.000	8%	5.508.000	
49	Lợi gầu 208-939-3120HD	Cái	5	1.530.000	7.650.000	8%	8.262.000	
V	Máy xúc PC750, PC850							
50	Vành sao 209-27-51173	Cái	4	15.810.000	63.240.000	8%	68.299.200	
51	Ga lê tỳ 209-30-00191	Cái	12	15.198.000	182.376.000	8%	196.966.080	
52	Ga lê đỡ 209-30-00300	Cái	6	6.630.000	39.780.000	8%	42.962.400	
53	Bu lông ga lê tỳ M27x160x3	Cái	60	102.000	6.120.000	8%	6.609.600	
54	Bu lông xích M27x90	Bộ	400	59.600	23.840.000	8%	25.747.200	
55	Bu lông sao M24x70	Cái	150	35.700	5.355.000	8%	5.783.400	

56	Bánh dẫn hướng 209-30-00014	Cái	2	51.510.000	103.020.000	8%	111.261.600
57	Lợi gầu 74140	Cái	10	3.264.000	32.640.000	8%	35.251.200
58	Lợi gầu K1080M85	Cái	8	3.774.000	30.192.000	8%	32.607.360
59	Lợi gầu cạnh AD-B-770	Cái	6	9.180.000	55.080.000	8%	59.486.400
VI	Máy xúc PC1250						
60	Vành sao 21N-27-31191	Cái	6	21.930.000	131.580.000	8%	142.106.400
61	Bánh dẫn hướng 21N-30-00110	Cái	4	79.560.000	318.240.000	8%	343.699.200
62	Bu lông sao 01010-82475	Cái	200	81.600	16.320.000	8%	17.625.600
63	Bu lông xích 21N-32-31211	Cái	200	137.700	27.540.000	8%	29.743.200
64	Ê cu bắt xích 198-32-31220	Cái	200	66.300	13.260.000	8%	14.320.800
65	Ga lê ty 21N-30-00121	Cái	16	21.216.000	339.456.000	8%	366.612.480
66	Ga lê đỡ 21N-30-00130	Cái	8	8.670.000	69.360.000	8%	74.908.800
67	Răng gầu XS115RC	Cái	350	3.213.000	1.124.550.000	8%	1.214.514.000
68	Răng gầu X-1250SP	Cái	80	3.519.000	281.520.000	8%	304.041.600
69	Chốt răng gầu XS115	Cái	300	459.000	137.700.000	8%	148.716.000
70	Chốt răng gầu PC1250	Cái	100	153.000	15.300.000	8%	16.524.000
71	Lưỡi cắt thành gầu 427-70-13611	Cái	50	2.295.000	114.750.000	8%	123.930.000
72	Lợi gầu 14140	Cái	10	6.732.000	67.320.000	8%	72.705.600
73	Lợi gầu cạnh AD-H17	Cái	6	20.196.000	121.176.000	8%	130.870.080
74	Lợi gầu giữa 350XS115	Cái	15	6.120.000	91.800.000	8%	99.144.000
VII	Máy khoan DI550					8%	
75	Dài xương xích UL160F1N43	Dài	4	33.150.000	132.600.000	8%	143.208.000
76	Vành sao R04500H0M01	Cái	2	6.936.000	13.872.000	8%	14.981.760
77	Ga lê ty VA542	Cái	16	4.284.000	68.544.000	8%	74.027.520
78	Bu lông xích M14x45	Bộ	1000	12.700	12.700.000	8%	13.716.000
VIII	Hàng khoan, hàng phụ tùng						
79	Mũi khoan đá 5 inch, model:Φ165	Cái	105	11.730.000	1.231.650.000	8%	1.330.182.000
80	Khớp nối ống mũi khoan, model:	Cái	30	5.661.000	169.830.000	10%	186.813.000
81	Búa khoan đá, model: MISS50	Cái	20	30.090.000	601.800.000	8%	649.944.000
82	Cần khoan đá Model:Φ114*5000mm	Cái	25	20.655.000	516.375.000	10%	568.012.500
83	Khớp nối đầu động lực, model: M80-	Cái	20	6.222.000	124.440.000	10%	136.884.000
84	Tô máy phát điện động cơ Diesel, công suất cực đại 10KVA nhãn hiệu YUCHAI - Model: YC9800T	Cái	3	26.520.000	79.560.000	8%	85.924.800
85	Ống hút bụi bằng cao su, model:Φ 200*5000C	Mét	30	2.754.000	82.620.000	8%	89.229.600
86	Má phanh trước CAT 114-9299/2	Cái	10	1.224.000	12.240.000	8%	13.219.200
87	Má phanh trước CAT 114-9297/2	Cái	10	1.224.000	12.240.000	8%	13.219.200
88	Má phanh HD 566-32-05221/2	Cái	40	1.224.000	48.960.000	8%	52.876.800
IX	Hàng lốp						
89	Lốp 26.5R25/LBO1N/L3/TL/LINGLONG	Quả	6	56.100.000	336.600.000	8%	363.528.000
X	Hàng máy xúc PC750, PC850						
90	Răng gầu, model: K85-CD	Cái	130	1.989.000	258.570.000	8%	279.255.600
91	Chốt răng gầu máy xúc chốt dẹt PC850, model: XS85-CD	Cái	100	377.400	37.740.000	10%	41.514.000
92	Răng gầu máy xúc chốt tròn PC850, model: N209-70-54210RC	Cái	80	2.070.600	165.648.000	8%	178.899.840
93	Chốt răng gầu máy xúc PC850, model: 209-70-54210RC	Cái	60	112.200	6.732.000	10%	7.405.200
					8.584.665.700		9.288.541.296

Bảng chữ: Chín tỷ, hai trăm tám mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm chín sáu đồng